

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 10 năm 2020

| | |
|---|---------------------|
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG | Số: 49/2020/QĐ-UBND |
| ĐẾN | Số: 1433 |
| Chuyên: | Ngày: 16/10/20 |
| Lưu hồ sơ số: | Ban hành |

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ
khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên
địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 46/TTr-SKHHCN ngày 03 tháng 9 năm 2020 về và Thông báo số 476/TB-VP ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân về kết luận của Ủy ban nhân dân thành phố tại phiên họp ngày 30/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 /10/2020 và thay thế Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2016 ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

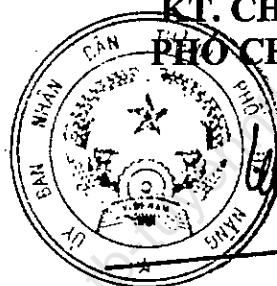
Điều 4. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở, ngành: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN, Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ KH&CN;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện;
- Báo Đà Nẵng;
- Đài Phát thanh – Truyền hình Đà Nẵng;
- Công báo thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, VHXH, SKH&CN.

40 LT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trung Chinh

tuyenntb-04/11/2020 15:30:46-tuyenn

QUY ĐỊNH

Định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2020/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước; các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN; quy định chi công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Văn bản này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố

Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố được thực hiện theo quy định của UBND thành phố về quản lý các nhiệm vụ KH&CN của thành phố Đà Nẵng và Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

| STT | Chức danh | Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd) | Hệ số lao động khoa học (Hkh) | Hệ số tiền công theo ngày | |
|-----|---|----------------------------------|-------------------------------|--|----------------------------------|
| | | | | Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố $H_{stcn}=(H_{cd} \times H_{kh})/22$ | Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở |
| 1 | Chủ nhiệm nhiệm vụ | 6,92 | 2,5 | 0,79 | 0,40 |
| 2 | Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học | 5,42 | 2,0 | 0,49 | 0,25 |
| 3 | Thành viên | 3,66 | 1,5 | 0,25 | 0,13 |
| 4 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 2,86 | 1,2 | 0,16 | 0,08 |

Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN là mức hệ số tối đa. Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN.

Điều 4. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

1. Thuê chuyên gia trong nước

a) Nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia, thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung thuê chuyên gia thực hiện theo hợp đồng khoán việc.

b) Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 40.000.000 đồng/người/tháng (tháng làm việc tính trên cơ sở 22 ngày làm việc).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Điều 3 Quy định này và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN.

c) Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 40.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Điều 3 Quy định này và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN thì đối với nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố: UBND thành phố xem xét, quyết định.

2. Thuê chuyên gia ngoài nước

a) Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung thuê chuyên gia ngoài nước thực hiện theo hợp đồng khoán việc.

b) Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN từ nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Điều 3 Quy định này và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

c) Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 3 Quy định này và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN thì đối với nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố: UBND thành phố xem xét, quyết định.

Điều 5. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu

1. Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được thực hiện theo các quy định của thành phố về định mức chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước và mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| Hội thảo khoa học | Đơn vị tính | Nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố | Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở |
|---------------------------------------|---------------|------------------------------|--------------------------|
| - Người chủ trì | Buổi hội thảo | 1.500 | 750 |
| - Thư ký hội thảo | Buổi hội thảo | 500 | 250 |
| - Báo cáo viên trình bày tại hội thảo | Báo cáo | 2.000 | 1.000 |

| | | | |
|--|------------------------------|-------|-----|
| - Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo | Báo cáo | 1.000 | 500 |
| - Thành viên tham gia hội thảo | Thành viên/ Buổi hội thảo | 200 | 100 |

Điều 6. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố được quy định tại khoản 1, Điều 8 Quy định này.

Điều 7. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN tối đa không quá 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 8. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng

1. Định mức chi tiền công cho hoạt động của các Hội đồng

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố | Áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở |
|-----|---|-------------|--|--------------------------------------|
| 1 | Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN | | | |
| a | Chi họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN | Hội đồng | | |
| | Chủ tịch hội đồng | | 1.000 | 500 |
| | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng | | 800 | 400 |
| | Thư ký hành chính | | 300 | 150 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 200 | 100 |

| | | | | |
|---|---|----------------------------|-------|-----|
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | | |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng | | 300 | 150 |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện | | 500 | 250 |
| 2 | Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN | | | |
| a | Chi họp hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN | Hội đồng | | |
| | Chủ tịch hội đồng | | 1.500 | 750 |
| | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng | | 1.000 | 500 |
| | Thư ký hành chính | | 300 | 150 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 200 | 100 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | | |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng | | 500 | 250 |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện | | 700 | 350 |
| 3 | Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN | | | |
| | Tổ trưởng tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 700 | 350 |
| | Thành viên | Nhiệm vụ | 500 | 250 |
| | Thư ký hành chính | Nhiệm vụ | 300 | 150 |
| | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ | 200 | 100 |
| 4 | Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN | | | |
| a | Chi họp hội đồng nghiệm thu | Nhiệm vụ | | |
| | Chủ tịch hội đồng | | 1.500 | 750 |
| | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng | | 1.000 | 500 |
| | Thư ký hành chính | | 300 | 150 |
| | Đại biểu được mời tham dự | | 200 | 100 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá | | |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng | | 500 | 250 |
| | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện | | 700 | 350 |

2. Định mức chi tiền công cho các Hội đồng tại khoản 1 Điều 8 Quy định này là định mức tối đa.

3. Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích

Nội dung chi công bố kết quả nghiên cứu (đã được công bố) và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (đã được cấp bằng) được hỗ trợ tại Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tập hợp báo cáo UBND thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trung Chinh